

Số: 19 /NQ-ĐHĐCĐ

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 4 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Nước sạch Thái Nguyên;

Căn cứ Biên bản số: 18/BB-ĐHĐCĐ ngày 29/4/2026 của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên (Công ty) thường niên năm 2026 được ĐHĐCĐ biểu quyết tán thành thông qua.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo số 89/BC-CTCPNS ngày 02/4/2026 của Ban Tổng Giám đốc Công ty về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2025, phương hướng nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2026.

Trong đó:

1.1. Kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2025:

TT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ hoàn thành KH năm 2025	So sánh thực hiện năm 2025/ 2024
1	Sản lượng nước thương phẩm	m ³	17.380.000	18.301.414	105,3%	107,4%
	- Khu vực cổ phần	m ³	16.758.000	17.670.449	105,4%	107,6%
	- Khu vực chưa cổ phần	m ³	622.000	630.965	101,4%	102,9%
2	Tỷ lệ thất thoát	%	18,80	18,43	-0,37	-3,30
	- Khu vực cổ phần	%	18,83	18,33	-0,50	-3,36
	- Khu vực chưa cổ phần	%	17,39	20,77	3,38	-1,93
3	Mở mạng khách hàng mới	Hộ	2.250	2.828	125,7%	126,6%
4	Tổng doanh thu	1.000đ	234.937.344	251.991.346	107,3%	109,3%



[Handwritten signatures and marks]

5	Nộp ngân sách	1.000đ	6.494.335	6.401.962	98,6%	64,9%
6	Lợi nhuận sau thuế	1.000đ	246.484	18.459.410	7.489,1%	Tăng 23,032 Tỷ đồng
	- Khu vực cổ phần	1.000đ	7.403.379	25.811.543	348,6%	947,6%
	- Khu vực chưa cổ phần	1.000đ	-7.156.895	-7.352.133	102,7%	100,8%
7	Tỷ lệ trả cổ tức	%	2,78	9,70	348,9 %	866,1%
8	Tổng số lao động	Người	450	445	98,9%	99,1%
9	Thu nhập bình quân/người/tháng	1.000đ	11.500	11.650	101,3%	102,0%

1.2. Chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2026:

TT	Nội dung	ĐVT	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2026	KH năm 2026 so với TH 2025
1	Sản lượng nước thương phẩm	m ³	18.301.414	18.800.000	102,7 %
	- Khu vực cổ phần	m ³	17.670.449	18.160.000	102,8 %
	- Khu vực chưa cổ phần	m ³	630.965	640.000	101,4 %
2	Tỷ lệ thất thoát	%	18,43	17,59	-0,84 %
	- Khu vực cổ phần	%	18,33	17,56	-0,77 %
	- Khu vực chưa cổ phần	%	20,77	18,10	-2,67 %
3	Mở mạng khách hàng mới	Hộ	2.828	2.850	100,8%
4	Tổng doanh thu	1.000đ	251.991.346	255.890.111	101,5%
5	Nộp ngân sách	1.000đ	6.401.962	12.849.508	200,7%
6	Lợi nhuận sau thuế	1.000đ	18.459.410	9.929.704	53,8 %
	- Khu vực cổ phần	1.000đ	25.811.543	17.182.283	66,6 %
	- Khu vực chưa cổ phần	1.000đ	-7.352.133	-7.252.579	98,6 %
7	Tỷ lệ cổ tức	%	9,70	6,44	66,4 %
8	Tổng số lao động	Người	445	450	101,1%
9	Thu nhập bình quân/người/tháng	1.000đ	11.650	11.800	101,3%

Ghi chú: Số liệu kế hoạch năm 2026 tạm tính theo tỷ giá 01 USD = 26.700 VND

Điều 2. Thông qua Báo cáo số 15/BC-HĐQT ngày 06/4/2026 của HĐQT về quản trị và hoạt động của HĐQT Công ty năm 2025.

Điều 3. Thông qua Báo cáo số 01/BC-BKS ngày 02/4/2026 của BKS về hoạt động của BKS năm 2025 và tóm tắt Báo cáo tài chính 2025 đã được kiểm toán.



Điều 4. Thông qua Tờ trình số 16/TTr-HĐQT ngày 06/4/2026 của HĐQT Công ty về quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2025 và kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2026, trong đó:

- Quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2025 là: 1.667.352.000 đồng (Một tỷ, sáu trăm sáu mươi bảy triệu, ba trăm năm mươi hai nghìn đồng).

- Kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS dự tính trên kết quả hoàn thành 100% tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên lợi nhuận kế hoạch năm 2026 là: 2.064.192.000 đồng (Hai tỷ, không trăm sáu mươi tư triệu, một trăm chín mươi hai nghìn đồng)

Điều 5. Thông qua Tờ trình số 17/TTr-HĐQT ngày 06/4/2026 của HĐQT Công ty về Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 và bổ sung Quy chế tài chính về sử dụng các quỹ, trong đó:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số tiền
	Lợi nhuận sau thuế TNDN khu vực cổ phần	Đồng	25.811.543.876
1	Trích quỹ đầu tư phát triển (30 %)	Đồng	7.743.463.163
2	Trích quỹ khen thưởng (03 %)	Đồng	774.346.316
3	Trích quỹ phúc lợi (6,8718 %)	Đồng	1.773.734.397
4	Chia cổ tức (970 đồng/cổ phần)	Đồng	15.520.000.000
5	Tỷ lệ cổ tức	%	9,7

5.2. Hình thức chi trả cổ tức:

+ Chứng khoán chưa lưu ký: Nhận tiền mặt tại Công ty.
+ Chứng khoán lưu ký: Nhận cổ tức tại các Thành viên lưu ký (nơi mở tài khoản lưu ký).

- Mức chi: 970 đồng/cổ phần (Tỷ lệ cổ tức tương ứng 9,7 %).

Điều 6. Thông qua Tờ trình số 02/TTr-BKS ngày 02/4/2026 của BKS về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026.

Điều 7. ĐHCĐ giao HĐQT Công ty nghiên cứu, tiếp thu các ý kiến của Nhóm Người đại diện phần vốn Nhà nước tại Văn bản số 127/CV-ĐDVNN ngày 29/4/2026 để chỉ đạo cùng quá trình thực hiện các giải pháp đã đề ra trong năm 2026.

Điều 8. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 29/4/2026. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát, các Cổ đông của Công ty và các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Công ty có trách nhiệm chấp hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 8;
- UB Chứng khoán NN;
- Sở GDCK Hà Nội;
- UBND tỉnh Thái Nguyên;
- Cổ đông (Đăng tải trên Website của Công ty);
- Lưu: VT.



TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỌA

THÀNH VIÊN HĐQT

Nguyễn Xuân Học